CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Sơn Hà Sài Gòn

Ngày 31/12/2025	3,920 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.9%	**-5.8%**	**2.1%**

DT thuần
Q4/25
300
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.00| 0.2%
YoY: ▼5.00| -1.8%

LN thuần
Q4/25
5.02
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.59| 46.3%
YoY: ▲ 2.72| 118%

LN sau thuế
Q4/25
3.70
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.71| 23.6%
YoY: ▲ 1.61| 76.9%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
4.6%
YoY: +/-▼ 0.0%

ROE
2025
3.7%
YoY: +/-▲ 0.5%

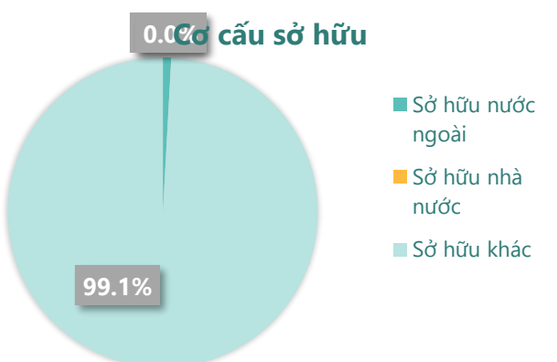
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	3,676 - 4,280
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	138
Số lượng CPLH (CP)	35,118,632
KLGD BQ 20 phiên (CP)	11,290
Sở hữu nước ngoài	0.9%
Beta	0.07
EPS	456
P/E	8.6

DT thuần
2025
1,164
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 24.0| 2.0%

LN thuần
2025
20.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.20| 26.0%

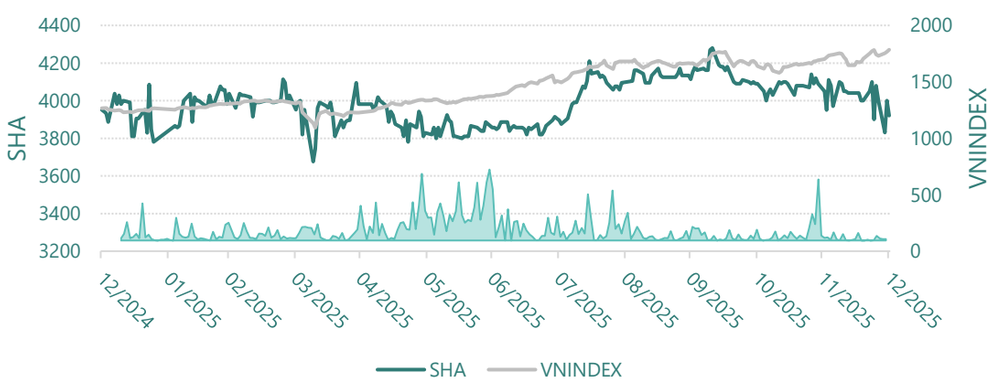
LN sau thuế
2025
16.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.50| 18.8%

Cơ cấu sở hữu

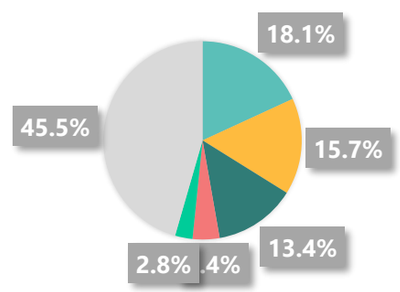


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

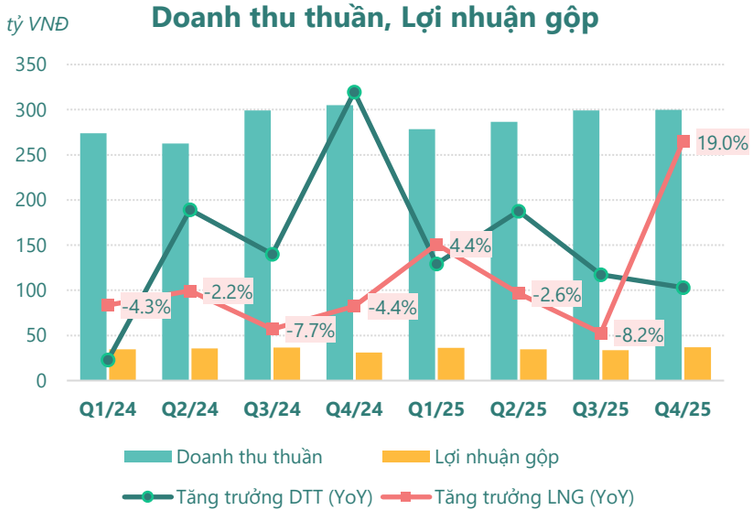


- Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
- Công ty TNHH MTV Tổng hợp Lê Gia
- Lê Hoàng Hà (Chủ tịch HĐQT)
- Trịnh Thị Phương Linh (Thành viên HĐQT)
- CTCP Đầu tư Công nghệ Sơn Hà Xanh

(Nguồn: fireant.vn)

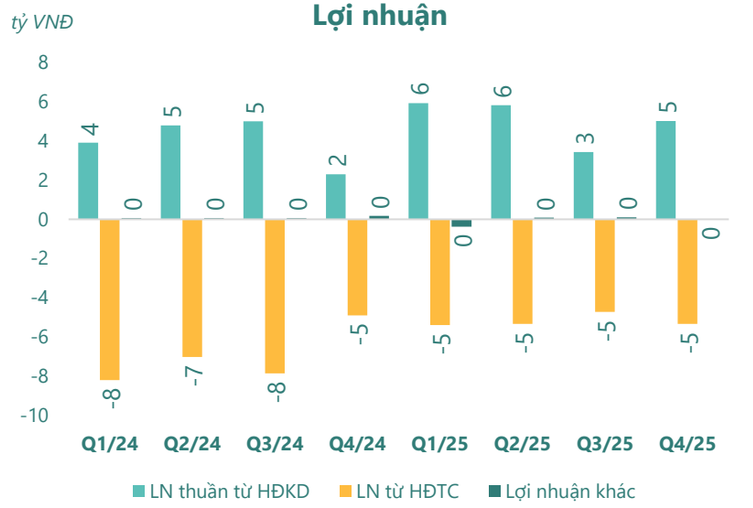
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



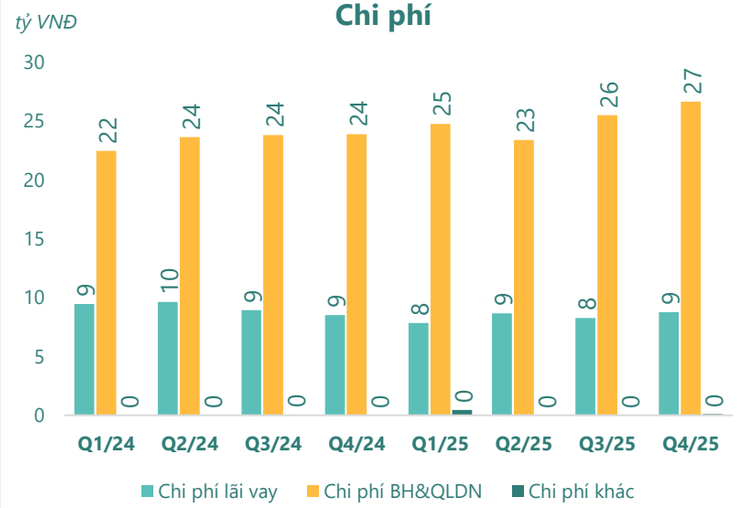
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



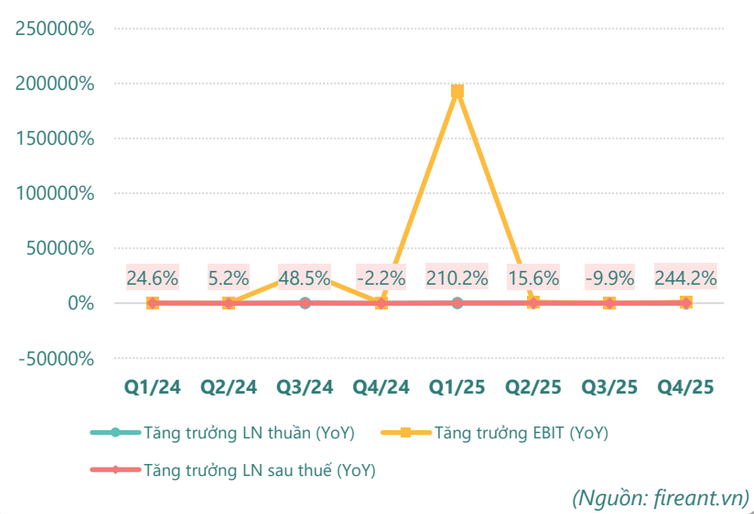
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



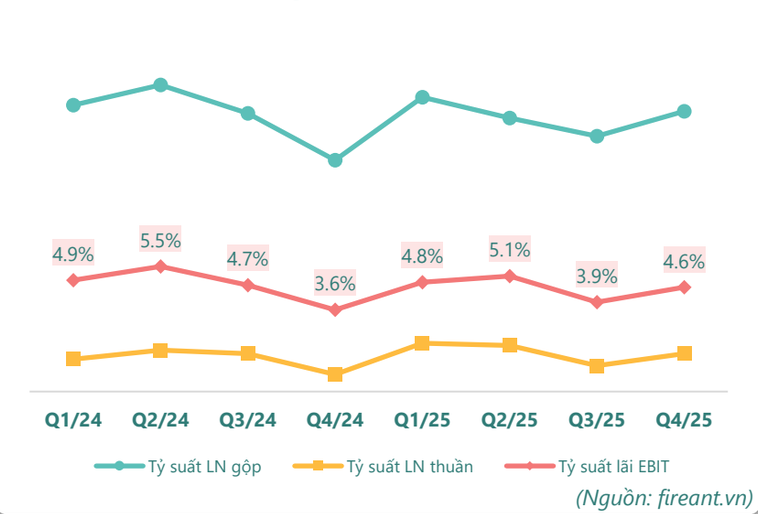
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



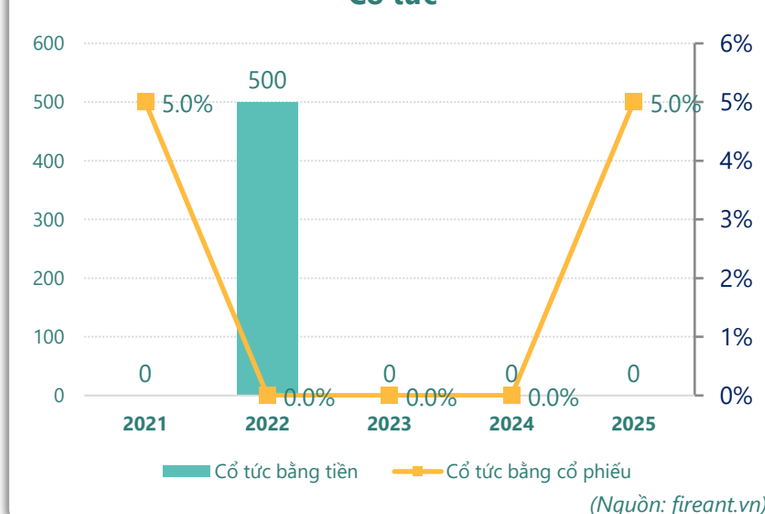
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

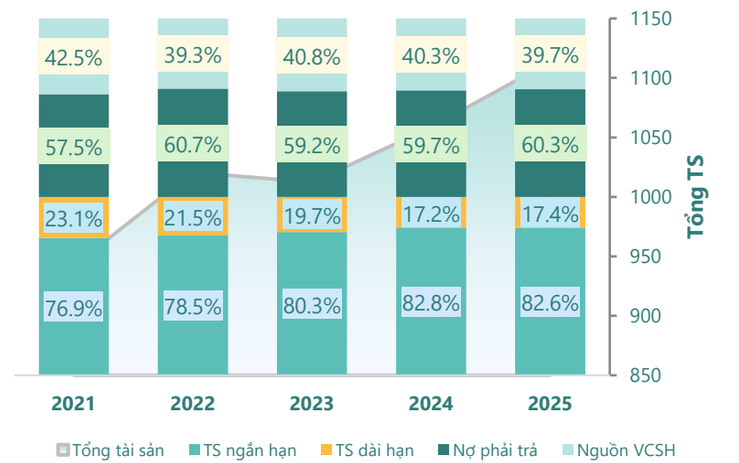
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

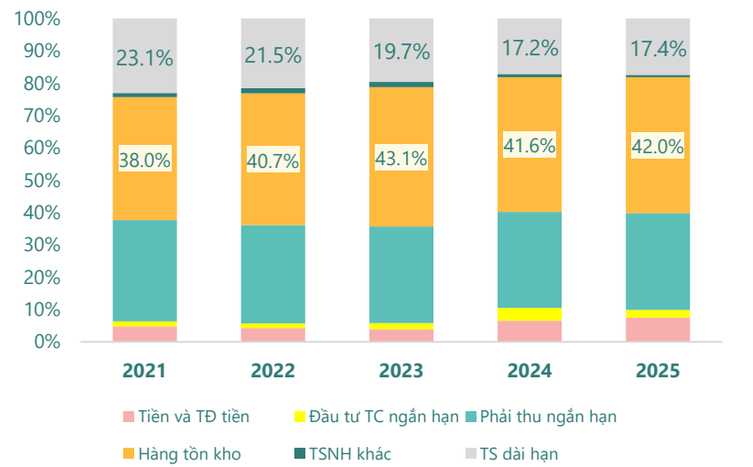
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



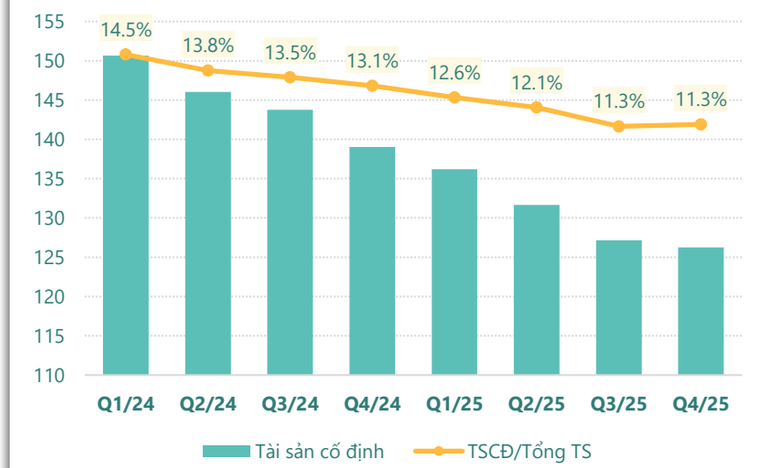
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



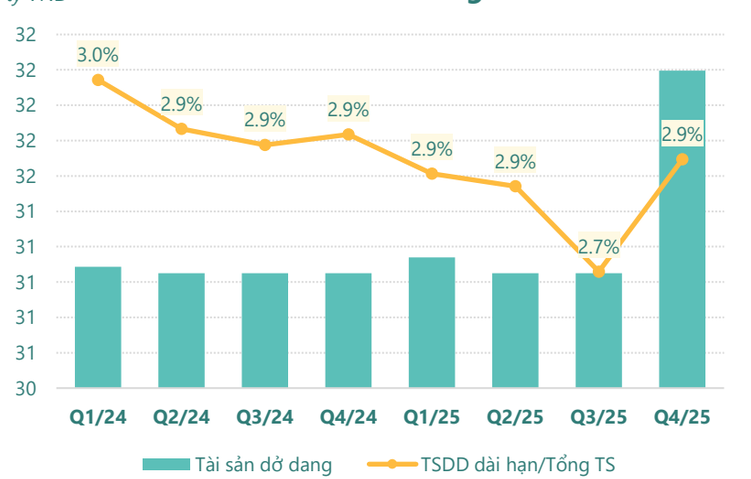
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



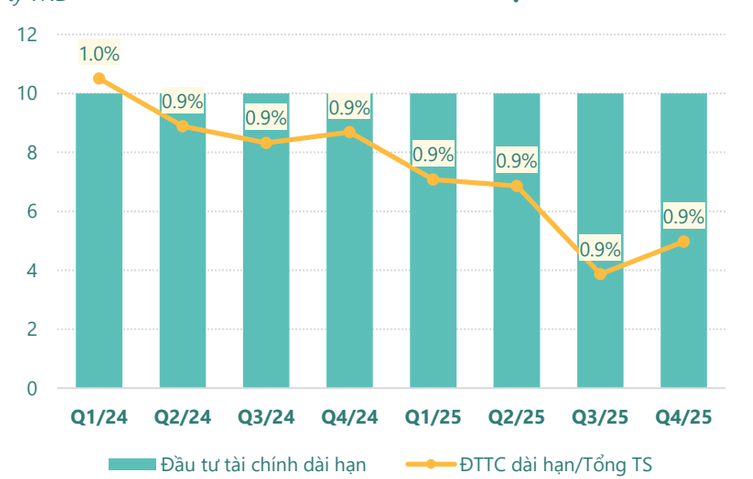
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



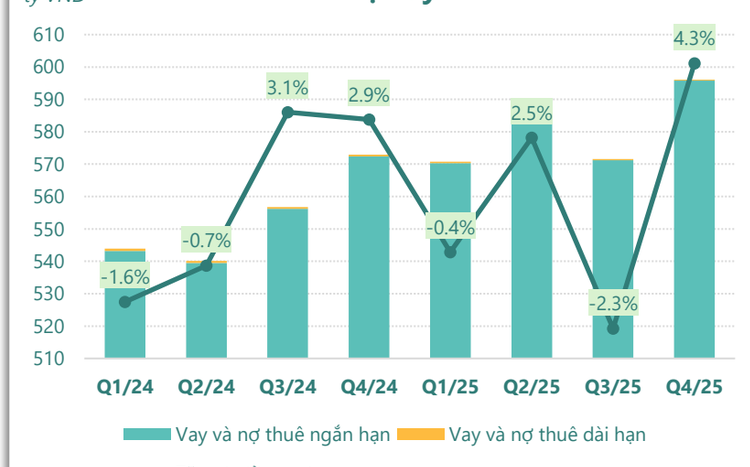
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

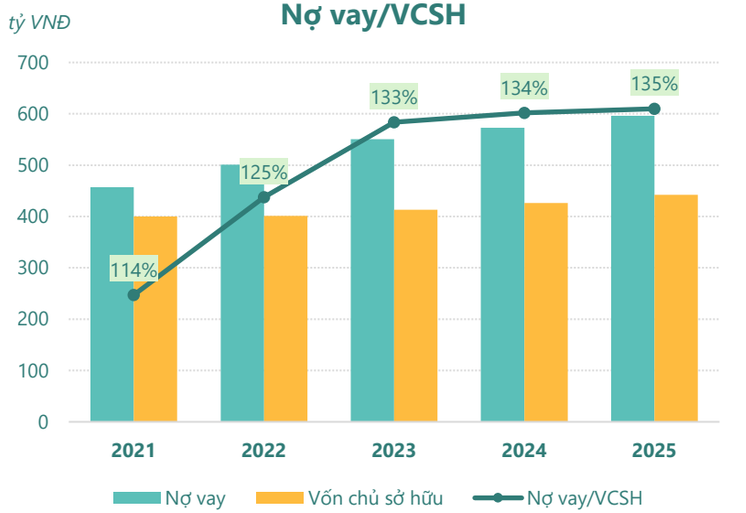
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

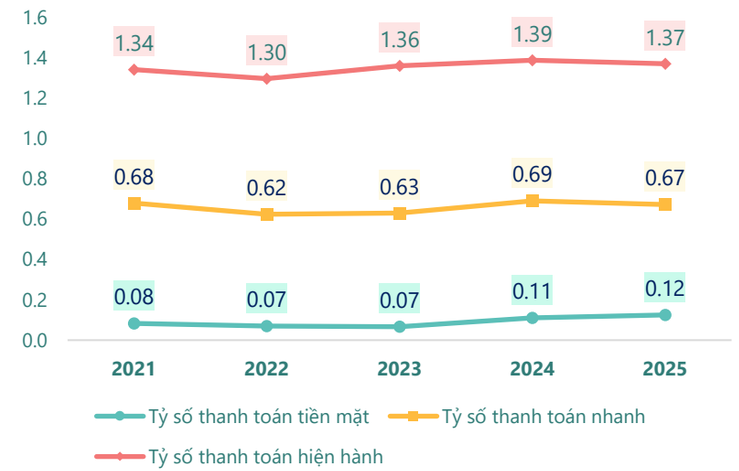
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



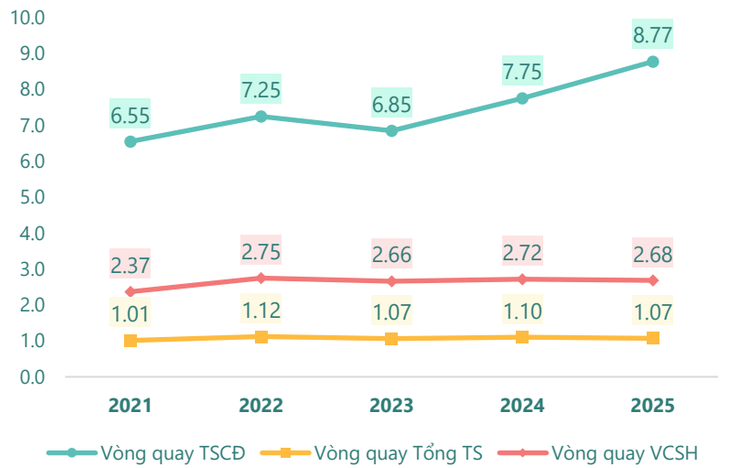
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



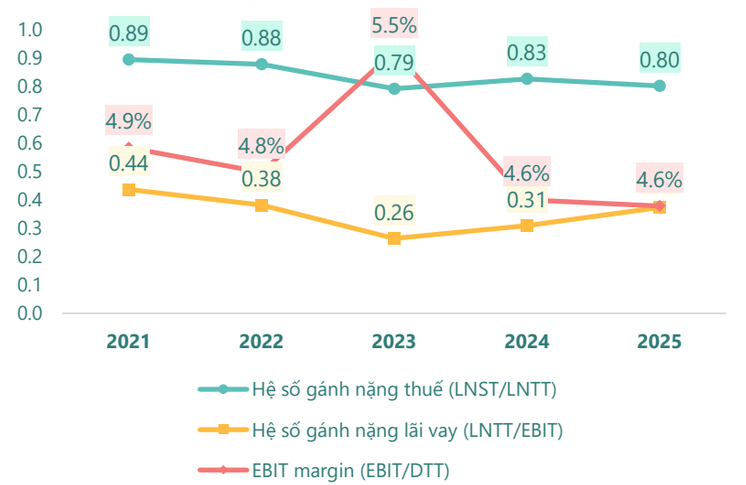
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



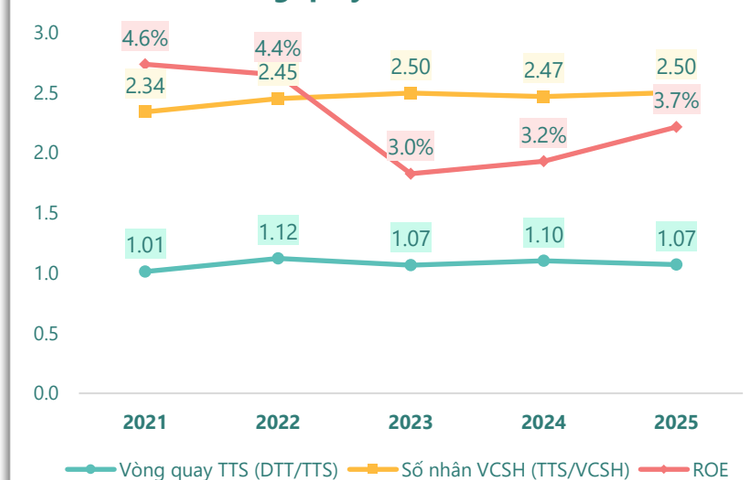
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



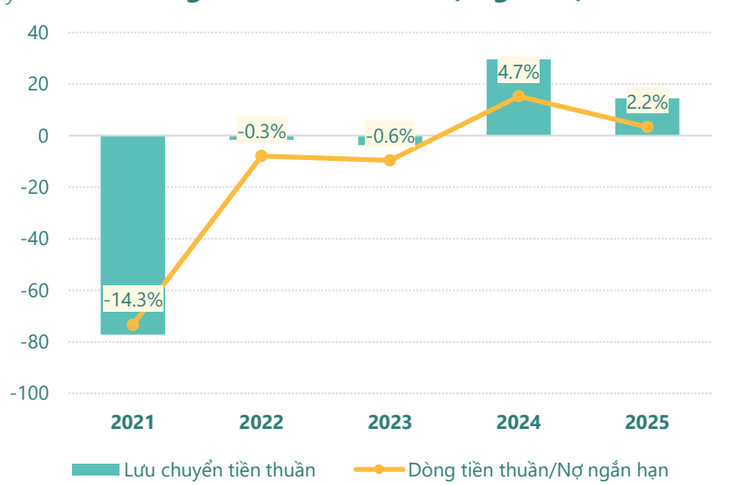
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**300**	**305**	**-1.8%**	**1,164**	**1,140**	**2.0%**
Giá vốn hàng bán	263	274	-4.2%	1,022	1,002	2.0%
Lợi nhuận gộp	37.0	31.1	19.1%	141	138	2.5%
Doanh thu HĐTC	3.52	3.70	-4.8%	12.9	8.68	48.2%
Chi phí TC	8.86	8.60	3.0%	33.7	36.7	-8.2%
Chi phí lãi vay	8.77	8.51	3.0%	33.6	36.6	-8.2%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	20.8	18.5	12.6%	76.0	71.0	7.1%
Chi phí QLDN	**5.86**	**5.45**	**7.4%**	**24.4**	**23.0**	**6.2%**
LN thuần từ HĐKD	5.02	2.30	118%	20.2	16.0	26.0%
Lợi nhuận khác	**-0.01**	**0.18**	**-106%**	**-0.20**	**0.32**	**-162%**
LN trước thuế	5.01	2.48	102%	20.0	16.3	22.4%
Lợi nhuận sau thuế	**3.70**	**2.09**	**76.9%**	**16.0**	**13.5**	**18.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**3.70**	**2.09**	**76.9%**	**16.0**	**13.5**	**18.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	11.5	5.53	-11.6	-4.32	3.13	23.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	2.98	-6.28	-1.72	-3.66	3.11	-16.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	16.6	14.0	-2.13	14.0	-13.5	24.5
Tiền đầu kỳ	41.1	72.1	69.4	53.9	59.9	52.7
Lưu chuyển tiền thuần	**31.1**	**13.3**	**-15.5**	**6.01**	**-7.23**	**31.1**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	72.1	85.4	53.9	59.9	52.7	83.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,114**	**1,059**	**5.2%**
Tài sản ngắn hạn	919	877	4.9%
Tiền và tương đương tiền	83.8	69.4	20.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	26.2	42.2	-37.9%
Phải thu ngắn hạn	333	314	6.0%
Hàng tồn kho	468	440	6.3%
Tài sản ngắn hạn khác	7.97	10.3	-22.5%
Tài sản dài hạn	**194**	**182**	**6.7%**
Phải thu dài hạn	23.2	0.25	9171%
Tài sản cố định	126	139	-9.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	32.2	31.0	3.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	10.0	10.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**2.59**	**1.68**	**54.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	672	632	6.2%
Nợ ngắn hạn	**671**	**632**	**6.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	596	572	4.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	54.2	37.1	46.2%
Nợ dài hạn	0.52	0.74	-29.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.29	0.51	-42.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**442**	**426**	**3.7%**
Vốn chủ sở hữu	**442**	**426**	**3.7%**
Vốn điều lệ	351	334	5.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)